|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD&ĐT TÂY NINH**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN**  **HOÀNG LÊ KHA**  HƯỚNG DẪN CHẤM  -------------------  Hướng dẫn chấm gồm có 04 trang | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN KHU VỰC DUYÊN HẢI VÀ ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ**  **NĂM 2023**  **ĐỀ THI: MÔN ĐỊA LÍ**  **LỚP 10** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **Ý** | **Nội dung chính cần đạt** | **Điểm** |
| **I** | 1 | Tại sao có các mùa trong năm? Giải thích sự khác biệt về mùa ở khu vực ở khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh. | **2,0** |
|  | \* Nguyên nhân sinh ra các mùa trong năm  Do trục Trái Đất nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo của Trái Đất và trong suốt năm, trục của Trái Đất không đổi phương trong không gian nên có thời kì bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, có thời kì bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời. Điều đó làm thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều thay đổi trong năm.  \* Khu vực đới nóng, đới ôn hòa và đới lạnh có sự khác biệt về mùa do  - Đới nóng: quanh năm nóng, sự phân mùa không rõ do nằm ở vùng vĩ độ thấp, ít có sự chênh lệch về góc chiếu sáng giữa các thời kì trong năm.  - Đới ôn hòa: một năm chia thành bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) do nằm ở vĩ độ trung bình, có sự chênh lệch về góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng giữa các thời kì trong năm.  - Đới lạnh: quanh năm lạnh, chỉ có mùa đông do nằm ở vĩ độ cao luôn có góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng nhỏ, lượng nhiệt nhận được thấp. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 2 | Tại sao trên Trái Đất có nhiều loại đất khác nhau. Đất và sinh vật có mối quan hệ mật thiết như thế nào? | **2,0** |
|  | \* Tại sao trên Trái Đất có nhiều loại đất khác nhau:  - Bất kì loại đất nào cũng chịu tác động của nhiều nhân tố: Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian và con người…  - Tác động của mỗi nhân tố có sự khác nhau và mối quan hệ giữa các nhân tố hình thành đất khác nhau trong việc hình thành mỗi loại đất.  - Ví dụ như vùng nhiệt đới ẩm có nhiệt độ cao, mưa nhiều, thực vật phát triển mạnh…quá trình hình thành đất nhanh, tầng đất dày. Ngược lại vùng ôn đới lạnh nhiệt độ thấp, ít mưa, thực vật chủ yếu là cây lá kim quá trình hình thành đất diễn ra yếu.  \* Đất và sinh vật có mối quan hệ mật thiết với nhau vì:  - Các đặc tính lí, hóa và độ phì của đất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của thực vật.  VD: Đất đỏ vàng ở khu vực nhiệt đới ẩm và xích đạo, thường có tầng dày, độ ẩm cao, tính chất vật lý tốt => nhiều loài sinh vật sinh trưởng và phát triển tốt.  - Sinh vật đóng vai trò chủ đạo trong sự hình thành đất.  + Thực vật cung cấp xác vật chất hửu cơ cho đất, rể thực vật bám vào các khe nứt của đá làm phá hủy đá.  + Vi sinh vật phân giải chất hữu cơ và tổng hợp mùn.  + Động vật sống trong đất như kiến, mối, giun…cũng góp phần làm thay đổi một số tính chất của đất… | 0,25  0,25  0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **II** | 1 | So sánh các biểu hiện và nguyên nhân tạo nên quy luật địa đới và phi địa đới. Quy luật nào phổ biến và quan trọng nhất đối với lớp vỏ địa lí? Tại sao? | **2,0** |
|  | - Giống nhau:  + Nguyên nhân: đều liên quan tới nguồn năng lượng.  + Biểu hiện: đều có sự thay đổi mang tính quy luật của các thành phần tự nhiên.  - Khác nhau:  + Nguyên nhân:  Quy luật địa đới: do dạng hình cầu của Trái Đất và năng lượng Bức xạ Mặt Trời;  Quy luật phi địa đới: do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất đã tạo ra sự phân chia bề mặt Trái Đất thành lục địa, đại dương và địa hình núi cao.  + Biểu hiện:  Quy luật địa đới: thể hiện sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo hướng vĩ tuyến.  Quy luật phi địa đới: thể hiện sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo hướng kinh tuyến và theo độ cao  \* Quy luật địa đới là quy luật phổ biến và quan trọng nhất đối với lớp vỏ địa lí vì: Bức xạ Mặt Trời là nguồn gốc và động lực của hầu hết hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trên bề mặt Trái Đất. Là cơ sở tạo ra các đới tự nhiên và là cơ sở để giải thích sự thay đổi tự nhiên theo vĩ độ. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| 2 | Chứng minh chế độ nước sông trên Trái Đất có sự phân hóa trong không gian và biến động theo thời gian. Tại sao nói, chế độ nước lũ ở miền Trung nước ta lên nhanh, rút nhanh? | **2,0** |
|  | - Chế độ nước sông chịu sự tác động của nhiều nhân tố: chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm, địa thế, thực vật và hồ đầm.  - Các nhân tố có sự phân hóa theo không gian :  + Chế độ mưa, băng tuyết và nước ngầm: (Dẫn chứng 1 vùng KH…)  + Địa thế, thực vật và hồ đầm: Diễn giảng…  => Mối quan hệ, sự kết hợp giữa các nhân tố tác động đến chế độ nước khác nhau ở mỗi nơi.  - Chế độ nước sông thay đổi theo thời gian.  Mỗi nhân tố tác động có sự thay đổi theo thời gian  + Các nhân tố như nước mưa, băng tuyết, nước ngầm chịu sự tác động trực tiếp của các yếu tố khí hậu, mà các nhân tố này thay đổi theo thời gian (nhịp điệu ngày-đêm, nhịp điệu mùa)  + Các nhân tố thực vật, hồ đầm tác động đến chế độ dòng chảy cũng chịu tác động gián tiếp của khí hậu nên cũng thay đổi theo thời gian tuy không rõ ràng.  \* Chế độ nước lũ ở miền Trung nước ta lên nhanh, rút nhanh vì:  Miền Trung có địa hình hẹo ngang, phía Tây là dải núi cao, phía đông là đồng bằng nhỏ hẹp, nhiều dãy núi lan ra sát biển -> sông ngòi có đặc điểm ngắn, nhỏ và dốc. Kết hợp lượng mưa khá tập trung với lựu lượng nước lớn (do bão, dải hội tụ…) | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,5 |
| **III** | 1 | Giải thích tại sao sự chênh lệch nhiệt độ theo mùa ở vùng nhiệt đới nhỏ hơn ở vùng ôn đới? Tại sao sự khác biệt này giữa nhiệt đới và ôn đới ở bán cầu Bắc lớn hơn nhiều so với bán cầu Nam? | **2,0** |
|  |  | - Nhiệt đới: Do vị trí gần xích đạo và ở vị trí thấp hơn nên chênh lệch góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng giữa mùa hạ và đông nhỏ hơn ở ôn đới.  - Ôn đới: Do vị trí xa xích đạo hơn và ở vĩ độ trung bình nên chênh lệch góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng giữa mùa hạ và mùa đông lớn hơn nhiệt đới.  \* Giải thích:  -Vùng nhiệt đới và ôn đới ở bán cầu Bắc có diện tích lục địa lớn hơn đại dương.  - Ở bán cầu Nam, diện tích đại dương lớn hơn lục địa. | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 2 | a. Tính độ cao trung bình tại nơi có nhiệt độ 70C. Đây là hiện tượng gì?  b. Giải thích hiện tượng này. Ở Việt Nam có hiện tượng này ở vùng nào? | **2,0** |
|  | - Tính độ cao trung bình tại nơi có nhiệt độ 70C: Theo quy luật Gradien, thì cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,60C.  Chênh lệch nhiệt độ giữa chân núi và đỉnh núi là: 22 – 7 = 150C  => Độ cao của núi là: (15 x 100) : 0,6 = 2500m.  - Hiện tượng gió phơn.  - Giải thích: Khi gió mát và ẩm thổi tới một dãy núi, bị núi chặn lại và đẩy lên cao, nhiệt độ giảm theo tiêu chuẩn của khí ẩm, trung bình cứ lên cao 100m giảm 0,60C. Vì nhiệt độ hạ nên hơi nước ngưng tụ, mây hình thành và mưa rơi bên sườn đón gió. Gió vượt sang sườn bên kia, hơi nước đã giảm nhiều, nhiệt độ lại tăng lên theo tiêu chuẩn không khí khô khi xuống núi, trung bình cứ 100m tăng 10C nên gió trở thành khô và rất nóng.  - Ở VN có hiện tượng gió phơn Tây Nam, chủ yếu ở Bắc Trung Bộ (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế). | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,5 |
| **IV** | 1 | Tại sao thời gian gần đây, các nước đang phát triển có tốc độ tăng dân số thành thị nhanh hơn các nước phát triển? | **2,0** |
|  | Các nước đang phát triển:  - Quá trình công nghiệp hóa đang được đẩy mạnh, các trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp… được xây dựng và mở rộng quy mô nên thu hút nhiều lao động.  - Quá trình đô thị hóa đang phát triển mạnh, các đô thị tăng về số lượng và mở rộng qui mô nên thu hút nhiều dân cư.  - Khu vực đô thị có điều kiện và chất lượng cuộc sống tốt hơn… nên thu hút đông dân cư từ nông thôn ra thành thị.  Các nước phát triển:  - Tỉ lệ gia tăng dân số thấp, mức sống cao và ít chênh lệch giữa nông thôn và thành thị, do tiến bộ của giao thông vận tải… nên dân cư có xu hướng chuyển cư từ trung tâm thành phố ra ngoại ô...  - Quá trình đô thị hóa diễn ra từ lâu đời, khả năng kiếm việc làm và tăng thu nhập ở đô thị không còn hấp dẫn như giai đoạn đầu của quá trình CNH – HĐH. | 0,5  0,25  0,25  0,5  0,5 |
| 2 | Tại sao nói công nghiệp hóa tạo nền tảng vững chắc cho quá trình đô thị hóa phát triển? | **1,0** |
|  | - Trình bày đặc điểm đô thị hóa: Số dân đô thị tăng lên, các thành phố mở rộng ra, các thành phố lớn xuất hiện, phổ biến lối sống thành thị.  - Công nghiệp tác động đến từng đặc điểm của đô thị hóa:  + Công nghiệp ngày càng phát triển thì lực lượng lao động trong ngành công nghiệp tăng lên, các ngành dịch vụ (phục vụ công nghiệp) tăng lên, số người hoạt động phi nông nghiệp tăng dẫn đến số dân đô thị tăng lên.  + Công nghiệp tạo cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật để phát triển đô thị. Công nghiệp phát triển sẽ xuất hiện nhiều khu công nghiệp, nhà máy công nghiệp, điểm công nghiệp xây dựng ở nông thôn.  + Nông dân tham gia vào công nghiệp, dịch vụ, tiếp xúc với công nhân, cán bộ quản lý... hình thành lối sống thành thị. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **V** | 1 | Nêu vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội. Phân tích mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài. | **2,0** |
|  | \* Vai trò của khoa học và công nghệ đối với phát triển kinh tế - xã hội:  - Góp phần mở rộng và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực khác.  - Thúc đẩy quá trình và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường khả năng cạnh tranh, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.  \* Mối quan hệ giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài:  - Nguồn lực bên trong và bên ngoài có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đó là mối quan hệ hỗ trợ, hợp tác và bổ sung cho nhau.  + Nguồn lực bên trong đóng vai trò quyết định đến việc phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia, quyết định đến việc sử dụng các nguồn lực bên ngoài.  + Nguồn lực bên ngoài đóng vai trò quan trọng, hỗ trợ, thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước; tạo thêm sức mạnh cho sự phát triển kinh tế, đặc biệt trong thời kì kinh tế tri thức và xu hướng hợp tác hóa, quốc tế hóa ngày càng mở rộng.  - Mối quan hệ còn thể hiện ở việc kết hợp giữa nguồn lực bên trong và nguồn lực từ bên ngoài một cách hợp lí, sẽ giúp phát triển kinh tế của một lãnh thổ diễn ra nhanh và bền vững. | 0.25  0.25  0.25  0.5  0.5  0.25 |
| 2 | a. Tính bình quân lương thực đầu người của thế giới.  b. Nhận xét về tình hình sản xuất lương thực trên Thế giới. | **3,0** |
|  | 1. Tính bình quân lương thực đầu người (Đơn vị: kg/người)  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2000 | 2005 | 2010 | 2015 | 2019 | | Bình quân lương thực | 335,3 | 323,1 | 356,0 | 345,7 | 384,3 |  1. Nhận xét:   - Sản lượng lương thực ngày càng tăng (dẫn chứng)  - Quy mô dân số tăng với tốc độ nhanh hơn so với việc tăng sản lượng lương thực (dẫn chứng)  => Bình quân lương thực đầu người tăng, giảm không ổn định (dẫn chứng) | 1,0  0.25  0.5  0.5 |